PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN MINH HIỂN *

1 – Về tiêu chí giáo dục của nước công nghiệp

Nước công nghiệp có nhiều tiêu chí thành phần, trong đó tiêu chí kinh tế đóng vai trò cơ bản. Tuy nhiên, với thành công thần kỳ của những nền kinh tế công nghiệp mới (NIE) trong những năm 70 của thế kỷ XX, tiêu chí giáo dục bắt đầu được quan tâm nhiều ở các nước công nghiệp, cũng như các nước đang trên đường công nghiệp hóa.

Tiêu chí giáo dục được cụ thể hóa bằng *các chỉ số và chỉ tiêu giáo dục*. Đó là những thông tin về các yếu tố đầu vào, các điều kiện bảo đảm giáo dục và kết quả thực hiện giáo dục. Về cơ bản, các thông tin này phải tạo thành một tập hợp tương thích các số liệu thống kê nhằm phục vụ công tác hoạch định chính sách, xây dựng kế hoạch, giám sát và đánh giá việc thực hiện trong giáo dục. Tùy theo mục đích sử dụng mà người ta sẽ xây dựng các chỉ số và tiêu chí giáo dục phù hợp.

Chẳng hạn để đánh giá vai trò của giáo dục trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển con người ở các quốc gia, bên cạnh chỉ số HDI mang tính tổng hợp, UNDP đã đưa vào *chỉ số giáo dục G* (Education Index) dựa trên hai chỉ tiêu là tỷ lệ biết chữ ở người lớn từ 15 tuổi trở lên và tỷ lệ nhập học gộp ở tiểu học, trung học và đại học. Khi đó có thể dùng chỉ số G để xếp hạng các nước ở góc độ xóa mù chữ và quy mô phát triển giáo dục. Tiêu chí đầu tiên về giáo dục ở các nước công nghiệp phát triển cũng như các nước công nghiệp mới (NIC) là *tiêu chí về quy mô phát triển* nhằm đáp ứng được yêu cầu về dân trí, nhân lực và nhân tài của nền kinh tế công nghiệp.

Tuy nhiên chỉ số G chỉ đưa ra một cái nhìn bộ phận về quy mô giáo dục. Để có thể cụ thể hóa được các tiêu chí khác như chất lượng, hiệu quả, bình đẳng giới v.v.., các báo cáo giáo dục hiện nay trên thế giới đều hướng tới việc sử dụng *tập hợp các chỉ tiêu giáo dục*. Chẳng hạn, để xếp hạng nền giáo dục Mỹ trong tương quan với các nước trong khối G8, Trung tâm quốc gia về thống kê giáo dục của Bộ Giáo dục Hoa Kỳ đã phát hành định kỳ trong những năm gần đây

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

báo cáo "Các chỉ tiêu so sánh về giáo dục của Hoa Kỳ và các nước G8 khác". Trong báo cáo mới đây[1] đã dùng 23 chỉ tiêu liên quan đến bối cảnh giáo dục (dân số, ngân sách, việc làm), quy mô và kết quả học tập ở các bậc học gồm giáo dục mẫu giáo và tiểu học, giáo dục trung học và giáo dục đại học. Các nước trong khối G8 được xếp hạng theo từng chỉ tiêu giáo dục đó.

Mới đây, tháng 3-2005, Viện thống kê của UNESCO, dựa chủ yếu trên các dữ liệu thống kê của năm 2000, đã công bố bảng xếp hạng của khoảng 180 nước đối với 138 chỉ tiêu giáo dục[2]. Dựa vào bảng này có thể thấy sơ bộ một số đặc trưng sau đây:

Các nước công nghiệp phát triển được đặc trưng ở vị trí xếp hạng cao đối với các chỉ tiêu cơ bản như chi ngân sách cho giáo dục, tỷ lệ nhập học ở các bậc học (đặc biệt là bậc học cao), trình độ chuẩn của giáo viên, số năm giáo dục bắt buộc, số năm học trung bình của người dân v.v...

Các nền kinh tế công nghiệp mới ở châu Á tiếp tục dành ưu tiên hàng đầu cho giáo dục và đang trong quá trình phấn đấu để nâng cao vị trí xếp hạng của các chỉ tiêu giáo dục. Vào năm 2000, khi nước ta vừa hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và chuẩn bị triển khai phổ cập giáo dục trung học cơ sở thì giáo dục bắt buộc ở Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a đã là 9 năm, ở Phi-lip-pin là 7 năm; tỷ lệ nhập học thô bậc đại học ở Thái Lan là 35,3% (xếp thứ 43/161), ở Xin-ga-po là 33,7% (46/161), ở Phi-lip-pin là 31,2% (48/161), ở Ma-lai-xi-a là 28,2% (57/161), ở In-đô-nê-xi-a là 14,6% (85/161), trong khi ở Việt Nam là 9,7% (98/161); tỷ trọng ngân sách giáo dục trong GDP ở Ma-lai-xi-a là 7,9%, ở Thái Lan là 5,0%, ở Xin-ga-po là 3,7%, ở Hàn Quốc là 3,6%, ở Phi-lip-pin là 3,2% (trong khi ở Việt Nam là 2,3%)[3].

2 – Hiện trạng giáo dục Việt Nam

Trong bối cảnh chung của thế giới bước vào kỷ nguyên thông tin với xu thế toàn cầu hóa về kinh tế, vấn đề đặt ra đối với nước ta là phát huy lợi thế so sánh, chủ động nắm thời cơ, tạo ra khâu đột phá, đẩy nhanh sự phát triển. Khi khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và cùng với công nghệ trở thành nền tảng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì "nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa"[4]. *Nguồn lực con người Việt Nam với phẩm chất cần cù, hiếu học, thông minh và sáng tạo chính là lợi thế so sánh để nước ta vươn lên phát triển nhanh và vững chắc.*

Trên cơ sở quán triệt các quan điểm chỉ đạo, định hướng và chủ trương phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước, công cuộc đổi mới giáo dục trong thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI bước vào một giai đoạn mới, giai đoạn phát triển giáo dục mạnh hơn, khẩn trương và hiệu quả hơn, tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục, *trong đó ưu tiên nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, đưa nền giáo dục nước ta tiếp cận với trình độ tiên tiến của thế giới, hướng tới một xã hội học tập, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

Theo định hướng nêu trên, căn cứ vào việc đánh giá kết quả đạt được so với yêu cầu

(1) *Comparative indicators of education in the United States and other G8 countries: 2004,* NCES, US Department of Education, 2/2005

(2) Country Profile : Education, UNESCO Institute for Statistics, 3/2005

(3) *Báo cáo phát triển thế giới năm 2003 – Ngân hàng thế giới,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2003

(4) *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1996, tr 21

của đất nước trong giai đoạn hiện nay, Báo cáo về tình hình giáo dục do Chính phủ trình Quốc hội khóa XI, tại Kỳ họp thứ 6, đã làm rõ những thành tựu cùng những bất cập, yếu kém, khuyết điểm của giáo dục nước ta trên cả ba mặt: quy mô, chất lượng và các điều kiện để phát triển giáo dục.

Có thể nói, sau gần 9 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), 6 năm đưa Luật Giáo dục vào cuộc sống và hơn 4 năm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục 2001- 2010, nền giáo dục nước ta đã có *những thành tựu rất đáng tự hào.* Nhu cầu học tập của nhân dân, trước hết ở giáo dục phổ thông, được đáp ứng tốt hơn. Các mục tiêu chiến lược về quy mô phát triển ở các cấp học và trình độ đào tạo đạt được kết quả theo chỉ tiêu và kế hoạch đề ra. Chính sách xã hội về giáo dục đã được thực hiện tốt hơn và có hiệu quả hơn. Chất lượng giáo dục đã có chuyển biến bước đầu. Điều kiện bảo đảm phát triển giáo dục được tăng cường hơn.

Tuy nhiên, trong giáo dục vẫn còn nhiều bất cập, yếu kém, khuyết điểm đang *gây lo lắng, bức xúc trong xã hội.* Chất lượng giáo dục đại trà, đặc biệt ở bậc đại học còn thấp; phương pháp giáo dục còn lạc hậu và chậm đổi mới. Các điều kiện bảo đảm phát triển giáo dục còn nhiều bất cập. Con em gia đình nghèo, gia đình có thu nhập thấp và con em đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận giáo dục, nhất là ở bậc học cao. Một số hiện tượng tiêu cực trong giáo dục chậm được giải quyết. *Đáng quan tâm nhất là chất lượng và hiệu quả giáo dục còn thấp, chưa đáp ứng kịp những đòi hỏi lớn và ngày càng cao về nhân lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.* Sở dĩ còn những yếu kém, bất cập trên là do: tư duy giáo dục chậm được đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu phát triển của đất nước cũng như đòi hỏi của sự chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; quản lý giáo dục còn yếu kém và bất cập, chưa tương thích với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của đất nước; mâu thuẫn lớn giữa một bên là yêu cầu cao về phát triển quy mô, nâng cao chất lượng với một bên là khả năng hạn hẹp của nguồn lực vẫn chưa có biện pháp khắc phục hiệu quả.

Nếu so sánh với các nước trong khu vực và trên thế giới, theo bảng xếp hạng của UNESCO (công bố tháng 3-2005 nhưng lấy theo các dữ liệu thống kê năm 2000), các chỉ tiêu giáo dục của Việt Nam nhìn chung nằm ở thứ hạng trung bình. Chẳng hạn, tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết là 94% (xếp thứ 87/202), tỷ lệ nhập học trung học là 62,5% (75/142), tỷ lệ nhập học đại học là 9,7% (98/161), tỷ lệ học sinh/giáo viên ở tiểu học là 28,0 (61/184), tỷ lệ lưu ban ở tiểu học là 2,9% (99/151) v.v..

Tuy nhiên, để đánh giá đúng về giáo dục nước ta, cần xét trong tương quan với trình độ phát triển về kinh tế. Do điểm xuất phát của nước ta về cơ bản là một nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu nên mức đầu tư cho giáo dục của Việt Nam vào loại thấp nhất thế giới. Xét ở góc độ đó thì những kết quả đã đạt được của giáo dục là đáng tự hào. Điều đó được thể hiện qua chỉ số phát triển con người HDI và chỉ số giáo dục G. Trong khoảng thời gian 10 năm, từ 1993 đến 2002, chỉ số HDI của Việt Nam đã tăng từ 0,539 (xếp thứ 120/174 nước) lên 0,691 (xếp thứ 112/177 nước). So với chỉ số phát triển kinh tế (K=0,52 đứng thứ 124/177 nước, ở vị trí trung bình), thì chỉ số phát triển giáo dục là G=0,82, vào loại khá, đứng thứ 98/177 nước.

3 – Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2020

Việc xây dựng chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2020 có thuận lợi cơ bản là các

quan điểm chỉ đạo và một số mục tiêu chủ yếu đã được chỉ ra trong Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII). Tuy nhiên để cụ thể hóa chiến lược này, cần giải quyết thỏa đáng cả về lý luận và thực tiễn một số vấn đề sau: 1 - Các tiêu chí cụ thể về một nước công nghiệp theo hướng hiện đại trong bối cảnh thế giới đang chuyển từ nền kinh tế công nghiệp dựa vào tài nguyên thiên nhiên sang nền kinh tế công nghiệp dựa vào tài nguyên trí tuệ. 2 - Các vấn đề đặt ra đối với giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, kinh tế tri thức và đẩy mạnh công nghệ thông tin - liên lạc (ICT). 3 - Quản lý, tổ chức và hoạt động giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. 4 - Xác định vị trí của giáo dục Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, hội nhập kinh tế quốc tế vững chắc và có hiệu quả. Cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động phát triển và định hình theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ là trọng tâm, hàm lượng công nghệ trong sản phẩm tăng cao; các yếu tố thị trường được xác lập đồng bộ trong một môi trường luật pháp ổn định; tiềm lực khoa học - công nghệ được tăng cường, đạt trình độ công nghệ tiên tiến trong khu vực ở các ngành kinh tế trọng điểm, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa.

Như vậy nền giáo dục của chúng ta đến năm 2020 phải có khả năng bảo đảm để đại bộ phận thanh niên trong độ tuổi được học hết trung học phổ thông hoặc trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề; 60% lực lượng lao động đang làm việc đã qua đào tạo với cơ cấu phù hợp; mọi người đều có quyền lợi và nghĩa vụ học suốt đời, được cung cấp các dịch vụ giáo dục thường xuyên để được đào tạo lại, hoặc nâng cao trình độ, chuyển đổi ngành nghề. Chất lượng giáo dục nói chung đạt trình độ khá trong khu vực, nói riêng đạt trình độ tiên tiến trong các lĩnh vực toán và khoa học - công nghệ; nhân lực đào tạo đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, được sử dụng có hiệu quả trong nước và cả ở nước ngoài; nhân tài được trọng dụng, đủ về số lượng và bảo đảm về năng lực phẩm chất để tự giải quyết được những vấn đề lớn đặt ra trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Về cơ bản, hệ thống giáo dục nước ta đủ khả năng hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Để đạt được các mục tiêu trên, cần tiếp tục làm tốt 7 nhóm giải pháp lớn đã được đề ra trong Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010. Trong đó, cần đặc biệt chú trọng đến những vấn đề sau đây:

Một là, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục: xây dựng và hoàn thiện hệ thống chuẩn quốc gia tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới, bảo đảm *thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa đối với chương trình giáo dục, sách giáo khoa và giáo trình, đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất nhà trường và thiết bị giáo dục.* Đến năm 2020, các chương trình giáo dục ở mọi cấp học và trình độ đào tạo đều đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng tương ứng với các chương trình giáo dục tiên tiến trên thế giới; đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, nâng cao về trình độ chuẩn được đào tạo theo hướng đại bộ phận giáo viên tiểu học có trình độ cao đẳng, đại bộ phận giáo viên trung học, trung cấp có trình độ đại học, đại bộ phận giảng viên đại học, cao đẳng có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; 60% các trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia, 40% - 50% các trường trung cấp, cao đẳng, đại học được công nhận về chất lượng trên cơ sở kiểm định, trong đó 2 trường đại học quốc

gia và 2 đến 3 trường đại học trọng điểm khác được xếp vào các trường đại học đẳng cấp quốc tế.

Hai là, bảo đảm nguồn lực cho giáo dục: cần tiếp tục dựa vào nội lực là chính, đi đôi với việc đẩy mạnh và phát huy hiệu quả của hợp tác quốc tế trong giáo dục. Ngân sách nhà nước là nguồn tài chính chủ yếu của giáo dục, bảo đảm tỷ lệ chi cho giáo dục không dưới 20% vào năm 2010; tỷ lệ này được tiếp tục tăng trong giai đoạn 2010 - 2020 theo hướng bảo đảm tỷ lệ tăng chi ngân sách giáo dục hằng năm cao hơn tỷ lệ tăng chi ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Giáo dục (sửa đổi). Công tác xã hội hóa giáo dục bước vào giai đoạn phát triển mới, huy động toàn xã hội chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, xây dựng nền giáo dục của dân, do dân, vì dân, phấn đấu *đến năm 2020 hình thành về cơ bản xã hội học tập ở Việt Nam.* Đẩy mạnh năng lực chủ động hợp tác quốc tế trong giáo dục nhằm nâng cao tính cạnh tranh của nguồn nhân lực được đào tạo, tăng cường khả năng hợp tác và cạnh tranh của đất nước, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Ba là, đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý giáo dục theo hướng phân cấp mạnh cho các địa phương, nâng cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý giáo dục, hoàn chỉnh hệ thống luật pháp về giáo dục và hoàn thiện môi trường chính sách tạo thuận lợi cho sự phát triển của giáo dục. Giai đoạn từ nay đến 2020 cần ban hành một số luật như Luật Giáo viên, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục thường xuyên, hình thành khuôn khổ pháp lý đồng bộ và hiệu quả trong việc điều hành bộ máy giáo dục ở quy mô ngày càng lớn, sớm phát hiện và khắc phục các vấn đề bức xúc và tiêu cực có thể nảy sinh; từng bước hoàn thiện, tiến tới ổn định cơ chế quản lý giáo dục theo tinh thần phân cấp rõ rệt và mạnh mẽ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các bộ, ngành và địa phương; mở rộng và phát huy hiệu quả của cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính; hình thành đội ngũ cán bộ quản lý có tính chuyên nghiệp cao, được chuẩn hóa về phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và năng lực quản lý; đạt trình độ khá trong khu vực về tin học hóa trong công tác quản lý giáo dục.

Trước những thách thức hiện nay của sự nghiệp đổi mới giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, trong bối cảnh quốc tế từ nay đến 2020 tiềm ẩn nhiều thời cơ mới và thách thức mới, *yêu cầu tiên quyết là tiếp tục đổi mới tư duy giáo dục một cách khoa học và toàn diện,* từ những vấn đề cơ bản như mục tiêu cụ thể của các cấp học và trình độ đào tạo, nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy (có tính đến các yêu cầu mới về ngoại ngữ và tin học), cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, chuẩn nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, cơ chế và phương thức quản lý giáo dục, đến những vấn đề nhạy cảm như học phí, quyền sở hữu tài sản của các trường ngoài công lập, tổ chức và hoạt động giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về giáo dục, điều quan trọng lúc này là làm cho các quan điểm đó được tiếp tục cụ thể hóa, áp sát hiện trạng giáo dục, định hướng về giải pháp trước những thách thức đang được đặt ra, tạo điều kiện để giáo dục nước ta phát triển trong quan hệ gắn bó với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phục vụ đắc lực công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. ❑